

Bản án số: **35/2021/HS-ST**
Ngày 14 tháng 9 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Châu Văn Khỏe
2. Ông Lương Quang Toán

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Minh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Tòa án nhân dân huyện Na Hang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/2020/TLST-HS, ngày 07 tháng 7 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Đặng Văn Đ, sinh ngày 02/3/1995; nơi sinh: Huyện Nh, tỉnh TQ; nơi cư trú: Thôn NK, xã YH, huyện NH, tỉnh TQ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đặng Văn H và bà Lý Thị N; có vợ: Bàn Thị H và 02 con; tiền án: Không;

Tiền sự:

+ Ngày 12/11/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Na Hang ra quyết định đưa đi cai nghiện bắt buộc (chưa chấp hành);

+ Ngày 10/02/2020, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đà Vĩ, huyện Na Hang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác (chưa chấp hành);

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/4/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

2. **Đặng Văn T**, sinh ngày 03/02/1998; nơi sinh: Huyện Nh, tỉnh TQ; nơi cư trú: Thôn NK, xã YH, huyện NH, tỉnh TQ; Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đặng Văn H và bà Lý Thị N; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/4/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo Đặng Văn Đ và Đặng Văn T:** Bà Hà Minh Phương – Luật sư, Văn phòng luật sư Minh Phúc thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tuyên Quang (Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý). Có mặt.

- **Bị hại:** Lê Văn B, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Thôn N, xã C, huyện N, tỉnh T. Có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Bàn Thị H, sinh năm 1999; Nơi cư trú: Thôn N, xã Y, huyện N, tỉnh T. Có mặt.

- Người làm chứng:

1. Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Thôn Nà Khuyển, xã Yên Hoa, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang;

2. Anh Lê Văn C, sinh năm 1993

3. Anh Chu Văn G, sinh năm 1993

Cùng nơi cư trú: Thôn Nà Thưa, xã Côn Lôn, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang;

4. Anh Bàn Văn L, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Thôn Nà Pầu, xã Yên Hoa, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang;

5. Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Thôn Thôm Luông, xã Thượng Nông, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị T có mặt; anh C, anh G, anh L, anh H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 45 phút, ngày 28/10/2020, Đặng Văn Đ, sinh năm 1995, cùng với: Lê Văn Ba, sinh năm 1993; Lê Văn Chiến, sinh năm 1993; Chu Văn Giác, sinh năm 1992 đến quán bán hàng ăn của chị Hoàng Thị T sinh năm 1994, trú tại thôn N, xã Y, huyện N để ăn đêm. Đến khoảng 01 giờ 50 phút ngày 29/10/2020, giữa Đ và B xảy ra mâu thuẫn, trong lúc cãi chửi nhau Đ đứng dậy đi đến gần vị trí B đang ngồi, dùng tay phải nắm một phát trúng vào mặt B, làm B ngã ngửa từ phản gỗ rơi xuống nền nhà. Ngay sau đó Đ tiếp tục dùng chân trái, tay phải đánh đấm, đá nhiều phát vào vùng mặt của B. B đứng dậy cầm ghế (khung bằng kim loại, mặt bằng gỗ) ở trong quán giơ lên vụt về phía Đ nhưng không trúng, sau đó hai bên tiếp tục lao vào giằng co nhau. Cùng lúc đó Nguyễn Văn D, sinh năm 1998; Đặng Văn T, sinh năm 1998, (T

là em trai ruột của Đ) từ ngoài đi vào trong quán. Thấy Đ đang giằng co, đánh nhau với B nên T và D đã có hành vi giúp sức cho Đ đánh lại B, cụ thể: Khi thấy B đang ở trong trạng thái bị Đ ôm chặt, không chế nằm úp mặt xuống nền nhà, hai chân duỗi thẳng thì D cầm 01 chiếc ghế (khung bằng kim loại màu đen, mặt ghế và lưng ghế bằng gỗ) vụt liên tiếp nhiều phát hướng từ trên xuống trúng vào phần lưng của B; tiếp theo T dùng khuỷu tay phải đánh nhiều phát trúng vào phần lưng của B, làm B bị thương tích. Sau đó được mọi người can ngăn và đưa B đi cấp cứu và điều trị đến ngày 04/11/2020 thì ra viện.

Tại kết luận giám định số 282/2020/TgT ngày 10/12/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Tuyên Quang kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Gãy 04 gai ngang (mỏm bên) đốt sống L1, L2, L3, L4 bên trái: 21%.

2. Cơ chế, vật gây thương tích:

- Gãy 04 gai ngang (mỏm bên) đốt sống L1, L2, L3, L4 bên trái là do vật tày tác động trực tiếp gây nên.

3. Căn cứ bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ y tế Quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y:

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 21% theo phương pháp cộng tại Thông tư.

Cáo trạng số: 24/CT-VKSNH ngày 06/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang truy tố Đặng Văn Đ và Đặng Văn T về tội: “Cố ý gây thương tích”, theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Kết thúc phân xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh, điều luật đã nêu trong bản cáo trạng đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố Đặng Văn Đ và Đặng Văn T phạm tội: “Cố ý gây thương tích

- Về hình phạt:

+ Căn cứ điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1) Điều 134; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đặng Văn Đ từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù. Hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 14/4/2021.

+ Căn cứ điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm i khoản 1) Điều 134; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đặng Văn T từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù. Hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 14/4/2021.

- Về vật chứng: Đề nghị căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc ghế khung bằng kim loại màu đen, mặt ghế và lưng ghế có gắn gỗ được sơn màu vàng, kích thước ghế cao 89cm, mặt ghế vuông, kích thước 40 x 40cm; 01 chiếc đĩa bằng kim loại màu trắng dài 17cm.

Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Na Hang và Chi cục thi hành án dân sự huyện Na Hang lập ngày 07/7/2021.

- Về trách nhiệm dân sự đề nghị căn cứ: Điều 48 BLHS; các Điều 288, 584, 585, 586, 587, 590 Bộ luật Dân sự buộc các bị cáo Đặng Văn Đ và Đặng Văn T bồi thường cho người bị hại Lê Văn B tổng số tiền là 44.671.322 đồng, trong đó bị cáo Đ phải bồi thường 22.335.661 đồng; bị cáo T phải bồi thường 22.335.661 đồng. Trừ đi số tiền Đ đã bồi thường 2.000.000 đồng, bị cáo T đã bồi thường 3.000.000 đồng. Buộc bị cáo Đ phải bồi thường tiếp 20.335.661 đồng; bị cáo T phải bồi thường tiếp 19.335.661 đồng

Dành quyền khởi kiện cho các bị cáo Đặng Văn Đ và Đặng Văn T yêu cầu Nguyễn Văn D hoàn trả phần nghĩa vụ liên đới mà mình đã bồi thường trong vụ án dân sự khác.

Ngoài ra đề nghị HĐXX xem xét buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho các bị cáo và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nhất trí với bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, không tranh luận gì thêm. Nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ mức án cho các bị cáo.

Người bào chữa cho các bị cáo trình bày lời bào chữa cho các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết giảm nhẹ như: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; các bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại; các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Đề nghị HĐXX căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134 của BLHS xử phạt bị cáo Đặng Văn Đ mức án thấp trong khung hình phạt. Đối với bị cáo Đặng Văn T phạm tội trong tình trạng tinh thần bị kích động mạnh, không có tính chất côn đồ nên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 134 của BLHS để xử phạt bị cáo mức án thấp trong khung hình phạt. Về trách nhiệm dân sự đề nghị HĐXX xem xét buộc các bị cáo bồi thường các khoản chi phí hợp lý cho bị hại theo quy định và miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý

kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về xem xét hành vi của các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ trên đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 01 giờ 50 phút, ngày 29/10/2020, tại quán bán hàng của gia đình chị Hoàng Thị T, thôn Nà Khuyến, xã Yên Hoa, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, do mâu thuẫn cá nhân nhỏ nhất Đặng Văn Đ đã có hành vi ôm chặt, khống chế Lê Văn B để Nguyễn Văn D dùng 01 chiếc ghế khung bằng kim loại vụt liên tiếp nhiều phát hướng từ trên xuống trúng vào phần lưng của Lê Văn B; Đặng Văn T có hành vi dùng khuỷu tay phải đánh nhiều phát trúng vào phần lưng của Lê Văn B. Hậu quả anh Lê Văn B bị gãy 04 gai ngang đốt sống L1, L2, L3, L4 bên trái, tỷ lệ tổn hại sức khỏe được xác định là 21%.

Trong vụ án này, Nguyễn Văn D dùng ghế có khung sắt bằng kim loại (là vật tày) đánh vào vùng lưng của B, theo hướng dẫn tại tiêu mục 3.1, tiêu mục 3.2 mục 3 Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 và tiêu mục 2.2 mục 2 phần I Nghị quyết 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì việc D dùng ghế có khung sắt để đánh B là thuộc trường hợp "dùng hung khí nguy hiểm", bị cáo Đặng Văn Đ có hành vi ôm chặt, khống chế Lê Văn B để D đánh là giúp sức cho D nên hành vi của Đ cũng thuộc trường hợp "dùng hung khí nguy hiểm"; giữa bị cáo Đ và bị hại không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ mâu thuẫn vì nguyên cớ nhỏ nhất, bị cáo T không có mâu thuẫn gì với bị hại nhưng các bị cáo đã cùng nhau gây thương tích cho bị hại nên đây thuộc trường hợp "có tính chất côn đồ"; tỷ lệ thương tật các bị cáo gây ra cho bị hại là 21% nên đã thỏa mãn quy định tại khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Na Hang truy tố bị cáo Đặng Văn Đ theo điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1) Điều 134; truy tố bị cáo Đặng Văn T theo điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác, gây mất ổn định an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức, ý thức được hành vi của mình có thể gây thương tích người khác nhưng chỉ vì không kiềm chế được bản thân mà các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của mình đã gây ra, tuy nhiên tính chất, vai trò giữa bị cáo Đ và T là khác nhau:

Bị cáo Đặng Văn Đ trong quá trình uống rượu với Lê Văn B đã có lời qua tiếng lại, vì mâu thuẫn nhỏ nhất đã dùng chân, tay đánh Ba; khi thấy T và D đến bị cáo tiếp

tục có hành vi ôm chặt, khống chế B để D và T thực hiện hành vi đánh B dễ dàng và làm cho B mất đi khả năng chống cự và thoát thân, dẫn đến B bị thương tích. Xét về nhân thân, bị cáo có 02 tiền sự: Ngày 12/11/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Na Hang ra quyết định đưa đi cai nghiện bắt buộc (chưa chấp hành); Ngày 10/02/2020, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đà Vị, huyện Na Hang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác (chưa chấp hành) thể hiện bị cáo là người không chấp hành tốt pháp luật, nên bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án.

Bị cáo Đặng Văn T khi thấy bị cáo Đ và anh B vật lộn, giằng co đã ngay lập tức có hành vi dùng tay, chân tấn công anh B trong tư thế anh B đang bị Đ khống chế, không còn khả năng chống đỡ và kháng cự. Tuy nhiên bị cáo T và bị cáo Đ có quan hệ anh em ruột, khi thấy anh mình đang giằng co đánh nhau, do không tìm hiểu rõ nguyên nhân mà lại cùng bị cáo Đ đánh gây thương tích cho B nên khi lượng hình cần xem xét đánh giá vị trí, vai trò của bị cáo T thấp hơn bị cáo Đ.

[2]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã tác động nhờ gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại; các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số cư trú, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng cần xử phạt các bị cáo hình phạt tù và cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục cũng như phòng ngừa tội phạm chung, xử phạt các bị cáo mức án trong phạm vi đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, có căn cứ.

Người bào chữa cho bị cáo Đặng Văn T có ý kiến đề nghị HĐXX xem xét hành vi của bị cáo T phạm tội trong trường hợp tinh thần bị kích động mạnh và đề nghị HĐXX xét xử bị cáo Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 134 của BLHS là không có căn cứ chấp nhận, vì trong vụ án này bị cáo T và bị hại không quen biết nhau, không có mâu thuẫn với nhau, khi nhìn thấy Đ và anh B giằng co, đánh nhau bị cáo không những không can ngăn, không hỏi rõ nguyên nhân mà ngay tức khắc dùng vũ lực tấn công B, trong khi B đang bị Đ ôm khống chế, không còn khả năng chống đỡ và kháng cự; trong khi thực hiện hành vi anh B đã bị Đ khống chế bị cáo có đủ điều kiện để dừng hành vi của mình nhưng bị cáo không dừng lại mà tiếp tục cùng D đánh anh B, chỉ khi B bất tỉnh được nhiều người can ngăn bị cáo mới dừng hành vi của mình, thể hiện bị cáo là người coi thường pháp luật, thực hiện hành vi

dùng vũ lực đánh người khác một cách quyết liệt, nên áp dụng tình tiết ‘có tính chất côn đồ’ đối với bị cáo là có căn cứ.

[3] Về vật chứng vụ án: 01 chiếc ghế khung bằng kim loại màu đen, mặt ghế và lưng ghế có gắn gỗ được sơn màu vàng, kích thước ghế cao 89cm, mặt ghế vuông, kích thước 40 x 40cm; 01 chiếc đĩa bằng kim loại màu trắng dài 17cm không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[4]. Về trách nhiệm dân sự:

Tại giai đoạn điều tra bị hại Lê Văn B yêu cầu các bị cáo bồi thường tổng số tiền là 74.385.000 đồng, các bị cáo chưa bồi thường cho bị hại.

Tại phiên tòa, bị hại Lê Văn B yêu cầu các bị cáo bồi thường các khoản cụ thể như sau:

- Tiền viện phí theo hóa đơn bán hàng số 0003590, ngày 09/11/2020 của Bệnh viện đa khoa Yên Hoa là: 621.322 đồng (tính tròn là 621.000 đồng).

- Tiền mua nẹp lưng là: 1.000.000 đồng;

- Tiền thuê xe đưa đi cấp cứu và khi ra viện về nhà là 02 lượt cả đi và về: 1.500.000 đồng x 2 lượt = 3.000.000 đồng;

- Tiền thu nhập bị mất của anh Ba trong 07 ngày nằm viện không lao động được là 07 ngày x 200.000đ/ngày = 1.400.000 đồng;

- Tiền thu nhập bị mất của 01 người chăm sóc anh Ba trong 51 ngày khi nằm viện và khi về nhà là 51 ngày x 200.000đ/ngày = 10.250.000 đồng;

- Tiền thu nhập bị mất, bị giảm sút của anh Ba trong 146 ngày không lao động được là 146 ngày x 200.000đ/ngày = 29.200.000 đồng;

- Tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe sau khi ra viện là 4.000.000 đồng.

- Tiền bồi thường tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm là 17 tháng lương cơ sở x 1.490.000đ/tháng = 25.330.000 đồng.

Tổng cộng các khoản là 74.801.000 đồng, anh Ba tính tròn là 74.800.000 đồng.

Các bị cáo không nhất trí toàn bộ yêu cầu bồi thường của bị hại và đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật. Sau khi nghe ý kiến của các bị cáo anh B cũng đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

HĐXX xét thấy, việc bị hại Lê Văn B yêu cầu các bị cáo bồi thường là có căn cứ, tuy nhiên anh Lê Văn B yêu cầu một số khoản là chưa phù hợp với thực tế và quy định pháp luật; theo hồ sơ bệnh án khi anh B ra viện tình trạng đã ổn định; tại phiên tòa anh B khai sau khi về nhà anh vẫn có thể tự đi lại và tự sinh hoạt được, chỉ khoảng thời gian tầm 02 tuần là cần Mẹ anh hỗ trợ khi thay thuốc, đắp thuốc; nghề nghiệp chính của anh là làm máy cuốc (anh góp vốn mua máy cuốc để kinh doanh đồng thời cũng trực tiếp lái máy) thời gian ở nhà điều trị anh vẫn liên hệ công việc qua điện thoại được và vẫn có thu nhập, hiện nay sức khỏe của anh đã ổn định có thể lái máy

bình thường; anh B cũng không xuất trình được các tài liệu, chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ. Vì vậy chỉ có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu về khoản tiền thu nhập bị mất, bị giảm sút của anh B và người chăm sóc anh B cũng như khoản tiền bồi thường tổn thất về tinh thần.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, HĐXX căn cứ theo quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 288, 584, 585, 586, 587, 590 của Bộ luật dân sự để xem xét chấp nhận những khoản chi phí hợp lý, cần thiết, phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ vào các tài liệu chứng minh thiệt hại thực tế mà anh Lê Văn B xuất trình có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của anh B tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần các khoản bị hại Lê Văn B đề nghị buộc các bị cáo phải bồi thường cụ thể như sau:

- Tiền viện phí theo hóa đơn bán hàng số 0003590, ngày 09/11/2020 của Bệnh viện đa khoa Yên Hoa là: 621.322 đồng (tính tròn là 621.000 đồng).

- Tiền mua nẹp lưng là: 1.000.000 đồng;

- Tiền thuê xe đưa đi cấp cứu và khi ra viện về nhà là 02 lượt cả đi và về: $1.500.000 \text{ đồng} \times 2 \text{ lượt} = 3.000.000 \text{ đồng}$;

- Tiền thu nhập bị mất của anh Ba trong 07 ngày nằm viện không lao động được là $07 \text{ ngày} \times 200.000\text{đ/ngày} = 1.400.000 \text{ đồng}$;

- Tiền thu nhập bị mất của 01 người chăm sóc anh Ba trong 07 ngày khi nằm viện là $07 \text{ ngày} \times 200.000\text{đ/ngày} = 1.400.000 \text{ đồng}$;

- Tiền thu nhập bị mất, bị giảm sút của anh Ba trong 60 ngày khi về nhà là $60 \text{ ngày} \times 100.000\text{đ/ngày} = 6.000.000 \text{ đồng}$;

- Tiền thu nhập bị giảm sút của 01 người chăm sóc anh Ba trong 15 ngày sau khi ra viện về nhà là $15 \text{ ngày} \times 100.000\text{đ/ngày} = 1.500.000 \text{ đồng}$;

- Tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe sau khi ra viện là 4.000.000 đồng.

- Tiền bồi thường tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm là 15 tháng lương cơ sở $\times 1.490.000\text{đ/tháng} = 22.350.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng các khoản là 41.271.000 đồng.

Trong vụ án này tuy bị cáo Đ, T và Nguyễn Văn D cùng thực hiện hành vi gây thương tích cho anh B nhưng không xác định được mức độ lỗi của từng người nên phải bồi theo phần bằng nhau; hiện nay Nguyễn Văn D đã bỏ trốn, bị hại yêu cầu bị cáo Đ và T phải bồi thường toàn bộ thiệt hại nên cần buộc bị cáo Đ và bị cáo T có trách nhiệm liên đới bồi thường toàn bộ thiệt hại cho anh Lê Văn B với tổng số tiền là 41.271.000 đồng. Trong đó Đặng Văn Đ có trách nhiệm bồi thường cho anh Lê Văn B số tiền 20.635.500 đồng; Đặng Văn T có trách nhiệm bồi thường cho anh Lê Văn B số tiền 20.635.500 đồng. Bị cáo Đứ đã tác động nhờ gia đình nộp trước số tiền là 2.000.000 đồng; bị cáo T đã tác động nhờ gia đình nộp trước số tiền là 3.000.000 đồng do đó cần trừ vào số tiền bồi thường cho các bị

cáo. Bị cáo Đ có trách nhiệm bồi thường tiếp cho anh Lê Văn B số tiền 18.635.500 đồng; bị cáo T có trách nhiệm bồi thường tiếp cho anh Lê Văn B số tiền 17.635.500 đồng.

Dành quyền khởi kiện cho bị cáo Đ và T yêu cầu anh D hoàn trả số tiền mà các bị cáo đã liên đới bồi thường thay anh D bằng một vụ án dân sự khác khi các bị cáo có yêu cầu.

Đối với chị Bàn Thị H (là vợ của bị cáo Đ) đã được bị cáo Đ và bị cáo T tác động nhờ bồi thường trước cho bị hại, chị H đã nộp khoản tiền bồi thường là 5.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Na Hang, trong đó bồi thường thay cho bị cáo Đ số tiền 2.000.000 đồng, bồi thường thay cho bị cáo T số tiền 3.000.000 đồng. Tại phiên tòa chị H xác định số tiền nộp để bồi thường trên là của chị, nay chị không yêu cầu bị cáo Đ và bị cáo T hoàn trả cho chị số tiền trên nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Qua xem xét, nghiên cứu hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Quá trình điều tra và truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Khởi tố, điều tra, thu thập chứng cứ, truy tố đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[6]. Về vấn đề khác: Đối với Nguyễn Văn D, sau khi phạm tội đã bỏ trốn khỏi địa phương, ngày 23/6/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Na Hang đã ra quyết định tách vụ án hình sự, tách hành vi phạm tội của Nguyễn Văn D để tiếp tục điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

[7]. Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; đối với án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch do các bị cáo thuộc diện hộ nghèo, các bị cáo có đơn xin miễn án phí nên Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho các bị cáo; các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1) Điều 134; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với Đặng Văn Đ; Căn cứ điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm i khoản 1) Điều 134; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với Đặng Văn T;

- Tuyên bố bị cáo Đặng Văn Đ và Đặng Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Xử phạt bị cáo Đặng Văn Đ **02** (hai) năm **06** (sáu) tháng tù. Hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 14/4/2021.

- Xử phạt bị cáo Đặng Văn T **02** (hai) năm tù. Hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 14/4/2021.

2. *Về trách nhiệm dân sự:* Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 288, 357, 584, 585, 586, 587, 590 của Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Đặng Văn Đ và Đặng Văn T có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho anh Lê Văn B tổng số tiền là 41.271.000 đồng. Trong đó Đặng Văn Đ phải bồi thường cho anh Lê Văn B số tiền 20.635.500 đồng; Đặng Văn T phải bồi thường cho anh Lê Văn B số tiền 20.635.500 đồng, trừ đi số tiền bị cáo Đ đã bồi thường trước là 2.000.000 đồng; bị cáo T đã bồi thường là 3.000.000 đồng. Buộc bị cáo Đặng Văn Đ phải bồi thường tiếp cho anh Lê Văn B số tiền 18.635.500đ (*Mười tám triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm đồng*); bị cáo T phải bồi thường tiếp cho anh Lê Văn B số tiền 17.635.500đ 500đ (*Mười bảy triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm đồng*).

Dành quyền khởi kiện cho bị cáo Đ và T yêu cầu anh D hoàn trả số tiền mà các bị cáo đã liên đới bồi thường bằng một vụ án dân sự khác khi các bị cáo có yêu cầu.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị cáo chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trả cho bị hại Lê Văn B số tiền 5.000.000 đồng do bị cáo Đặng Văn Đ và Đặng Văn T đã tác động nhờ gia đình nộp để bồi thường trước theo Biên lai thu tiền số: 0000886, ngày 14/9/2021 và Biên lai thu tiền số: 0000887, ngày 14/9/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

3. *Về vật chứng:* Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc ghế khung bằng kim loại màu đen, mặt ghế và lưng ghế có gắn gỗ được sơn màu vàng, kích thước ghế cao 89cm, mặt ghế vuông, kích thước 40 x 40cm; 01 chiếc đĩa bằng kim loại màu trắng dài 17cm.

Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Na Hang và Chi cục thi hành án dân sự huyện Na Hang lập ngày 07/7/2021.

4. *Về án phí:* Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, các bị cáo Đặng Văn Đ và Đặng Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ

thẩm. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo Đặng Văn Đ và Đặng Văn T.

5. *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Phòng HSNV CA tỉnh Tuyên Quang;
- Sở tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- Công an huyện Na Hang
- Chi cục THADS huyện Na Hang;
- Trại giam;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VT.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Mạnh Hồng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Quang Toán

Chầu Văn Khỏe

Vũ Mạnh Hồng

